



DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS

(Kèm theo Quyết định số/Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên đơn vị tổ chức PT: Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc
PT Provider name: Northern Center for Environmental Monitoring (NCEM)
Cơ quan chủ quản: Cục Môi trường
Organization: Viet Nam Environment Agency
Lĩnh vực thử nghiệm thành thạo thử nghiệm: Hoá
Field of PT testing: Chemical
Người phụ trách/
Representative: Phạm Quang Hiếu
Số hiệu/ Code: VIPAS 008
Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: Kể từ ngày /07/2025 đến ngày /07/2030
Địa chỉ trụ sở chính: 79 Văn Tiến Dũng, phường Tây Tựu, Hà Nội
The head office address: 79 Van Tien Dung street, Tay Tuu ward, Ha Noi
Địa điểm công nhận: 79 Văn Tiến Dũng, phường Tây Tựu, Hà Nội
Accredited locations: 79 Van Tien Dung street, Tay Tuu ward, Ha Noi
Điện thoại/ Tel: 02435771816
E-mail: ncem@cem.gov.vn
Website: http://www.cem.gov.vn

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS

VIPAS 008

Lĩnh vực thử nghiệm thành thạo thử nghiệm: Hóa

Field of PT testing: Chemical

TT	Nền mẫu <i>Sample matrix</i>	Chỉ tiêu ⁽¹⁾ <i>Testing items⁽¹⁾</i>	Các kỹ thuật dùng để xác định giá trị ấn định / Độ không đảm bảo đo <i>Techniques used to determine Assigned Value/ Uncertainty</i>
	Tên chương trình: Phân tích thành phần hóa học trong các mẫu môi trường: Nước, Đất Program name: Analysis of chemical composition in environmental samples: Water, Soil		
1.	Nước mặt <i>Surface water</i>	pH EC Độ đục <i>Turbidity</i> TSS <i>Total suspended solids</i> BOD₅, COD <i>BOD₅, COD</i> Phosphat (PO₄³⁻-P), Nitrat (NO₃⁻-N), Nitrit (NO₂⁻-N), Clorua (Cl⁻), Sulfat (SO₄²⁻), Florua (F⁻) Amoni (NH₄⁺) Tổng N, Tổng P <i>Nitrogen total, Phosphorus total</i> Tổng dầu mỡ <i>Oil and fat total</i> Tổng Xyanua (CN⁻) <i>Cyanide total (CN⁻)</i> Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Tổng Crom (Cr), Sắt (Fe), Thủy ngân (Hg) <i>Arsenic (As), Cadmium (Cd), Lead (Pb), Cooper (Cu), Zinc (Zn), Nickel (Ni), Manganese (Mn), Total Chromium (Cr), Iron (Fe), Mercury (Hg)</i>	Giá trị ấn định và độ lệch chuẩn xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia <i>Assigned value and standard deviation determined by consensus values from participants</i>

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS

VIPAS 008

TT	Nền mẫu <i>Sample matrix</i>	Chỉ tiêu ⁽¹⁾ <i>Testing items⁽¹⁾</i>	Các kỹ thuật dùng để xác định giá trị ấn định / Độ không đảm bảo đo <i>Techniques used to determine Assigned Value/ Uncertainty</i>
2.	Nước dưới đất <i>Ground water</i>	pH	Giá trị ấn định và độ lệch chuẩn xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia <i>Assigned value and standard deviation determined by consensus values from participants</i>
		EC	
		BOD ₅ , COD <i>BOD₅, COD</i>	
		Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P), Nitrat (NO ₃ ⁻ -N), Nitrit (NO ₂ ⁻ -N), Clorua (Cl ⁻), Sulfat (SO ₄ ²⁻), Florua (F ⁻)	
		Amoni (NH ₄ ⁺)	
		Tổng N, Tổng P <i>Nitrogen total, Phosphorus total</i>	
		Tổng Xyanua (CN ⁻) <i>Total Cyanide (CN⁻)</i>	
		Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Tổng Crom (Cr), Sắt (Fe), Selen (Se), Thủy ngân (Hg) <i>Arsenic (As), Cadmium (Cd), Lead (Pb), Cooper (Cu), Zinc (Zn), Nickel (Ni), Manganese (Mn), Total Chromium (Cr), Iron (Fe), Selenium (Se), Mercury (Hg)</i>	
3.	Nước thải <i>Wastewater</i>	pH	Giá trị ấn định và độ lệch chuẩn xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia <i>Assigned value and standard deviation determined by consensus values from participants</i>
		EC	
		Độ đục <i>Turbidity</i>	
		TSS <i>Total suspended solids</i>	
		BOD ₅ , COD <i>BOD₅, COD</i>	

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITATED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS

VIPAS 008

TT	Nền mẫu <i>Sample matrix</i>	Chỉ tiêu ⁽¹⁾ <i>Testing items⁽¹⁾</i>	Các kỹ thuật dùng để xác định giá trị ấn định / Độ không đảm bảo đo <i>Techniques used to determine Assigned Value/ Uncertainty</i>
3.	Nước thải <i>Wastewater</i>	Phosphat ($\text{PO}_4^{3-}\text{-P}$), Nitrat ($\text{NO}_3^-\text{-N}$), Nitrit ($\text{NO}_2^-\text{-N}$), Clorua ($\text{Cl}^-$), Sulfat ($\text{SO}_4^{2-}$), Florua ($\text{F}^-$) Amoni ($\text{NH}_4^+$) Tổng N, Tổng P <i>Nitrogen total, Phosphorus total</i> Tổng dầu mỡ khoáng <i>Oil and fat total</i> Tổng Xyanua (CN^-) <i>Cyanide total (CN⁻)</i> Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Tổng Crom (Cr), Sắt (Fe), Thủy ngân (Hg) <i>Arsenic (As), Cadmium (Cd), Lead (Pb), Cooper (Cu), Zinc (Zn), Nickel (Ni), Manganese (Mn), Total Chromium (Cr), Iron (Fe), Mercury (Hg)</i>	Giá trị ấn định và độ lệch chuẩn xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia <i>Assigned value and standard deviation determined by consensus values from participants</i>
4.	Đất <i>Soil</i>	Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Tổng Crom (Cr), Thủy ngân (Hg) <i>Arsenic (As), Cadmium (Cd), Lead (Pb), Cooper (Cu), Zinc (Zn), Nickel (Ni), Total Chromium (Cr), Mercury (Hg)</i> Hóa chất bảo vệ thực vật gốc Clo hữu cơ (Aldrin, Alpha-Chlordane, Gamma-Chlordane, DDD, DDE, DDT, Dieldrin, Endosulfan I, Endosulfan II, Endrin, Heptachlor, Lindane) <i>Organochlorine pesticides (Aldrin, Alpha-Chlordane, Gamma-Chlordane, DDD, DDE, DDT, Dieldrin, Endosulfan I, Endosulfan II, Endrin, Heptachlor, Lindane)</i>	Giá trị ấn định và độ lệch chuẩn xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia <i>Assigned value and standard deviation determined by consensus values from participants</i>

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS
VIPAS 008

Ghi chú/ Notes:

⁽¹⁾: mỗi ô trong cột này tương ứng với 1 mẫu mà PTP chuẩn bị. Số lượng chỉ tiêu trong mỗi ô là số lượng chỉ tiêu lớn nhất mà PTP có thể chuẩn bị.

Each cell in this column corresponds to 1 sample prepared by the PTP. The number of items in each cell is the maximum number of items that the PTP can prepare.

Trường hợp Trung tâm quan trắc môi trường miền Bắc cung cấp dịch vụ thử nghiệm thành thạo thì Trung tâm quan trắc môi trường miền Bắc phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này. *It is mandatory for the Northern Center for Environmental Monitoring (NCEM) that provides Proficiency Testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

Pham

Ho